|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **----------** |  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BTC |  | **-----------------------------------------------***Hà Nội, ngày tháng năm 2017* |

***Dự thảo***

**TỜ TRÌNH**

**Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của**

**Luật thuế bảo vệ môi trường**

**---------------------**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, thực hiện Nghị quyết số .../2017/QH14 ngày ... của Quốc hội khóa XIV về điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2017 và chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018; Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế bảo vệ môi trường (sau đây gọi chung là dự án Luật) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

Luật thuế bảo vệ môi trường (BVMT) được Quốc hội khóa XII, tại kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 15/11/2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2012. Qua 5 năm triển khai thực hiện, Luật thuế BVMT đã đạt được những mục tiêu, yêu cầu khi ban hành, cụ thể:

- Thuế BVMT đã góp phần nâng cao trách nhiệm và nhận thức của xã hội đối với môi trường; khuyến khích sản xuất, tiêu dùng hàng hóa thân thiện với môi trường; qua đó đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế bền vững, khuyến khích phát triển kinh tế đi liền giảm ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam với cộng đồng quốc tế về BVMT.

- Động viên hợp lý đóng góp của xã hội, tạo thêm nguồn thu để giải quyết vấn đề môi trường.

Số thu từ thuế BVMT liên tục tăng ổn định qua các năm từ năm 2012 đến năm 2016 (tổng thu thuế BVMT giai đoạn 2012-2016 là 105.985 tỷ đồng, trong đó năm 2012 là 11.160 tỷ đồng; năm 2013 là 11.512 tỷ đồng; năm 2014 là 11.970 tỷ đồng; năm 2015 là 27.020 tỷ đồng[[1]](#footnote-2); năm 2016 khoảng 44.323 tỷ đồng), chiếm tỷ trọng khoảng 1,36% - 4,27% tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) và khoảng 0,34% - 0,97% trên tổng sản phẩm trong nước (GDP) hàng năm.

Khoản thu từ thuế BVMT không phải là khoản thu mang tính đối giá và hoàn trả trực tiếp, không quy định sử dụng cho các nhiệm vụ chi cụ thể mà được sử dụng để bố trí, đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, điều chỉnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý và hoạt động định hướng phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ thực hiện các chính sách xã hội, thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo quy định,...

Luật NSNN năm 2015 quy định các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối NSNN, theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể. Do đó, kinh phí NSNN bố trí cho các nhiệm vụ BVMT có thể bằng hoặc thấp hơn so với số thu thuế BVMT.

Tổng số chi NSNN cho các nhiệm vụ BVMT giai đoạn 2012 - 2016 là khoảng 131.857 tỷ đồng. Trong đó:

- Tổng số chi thường xuyên cho BVMT là khoảng *89.131* tỷ đồng, *bao gồm: Chi thường xuyên từ NSNN (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) bố trí trực tiếp cho sự nghiệp BVMT (không quá 1% tổng chi NSNN) là khoảng 52.420 tỷ đồng; Chi các hoạt động kinh tế của ngân sách trung ương (gồm chi thực hiện các dự án điều tra, đánh giá về đất đai, địa chất khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo,… bố trí trong dự toán chi NSNN hàng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường; chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (2012 - 2016), Chương trình mục tiêu quốc gia sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (2012 - 2016), Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững (2016); chi thực hiện các chính sách quản lý sử dụng đất trồng lúa, phát triển rừng, quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản, duy tu đê điều, khuyến nông, công ích thủy nông) là khoảng 36.711 tỷ đồng.*

- Tổng số chi đầu tư phát triển của NSTW (chi cho các chương trình, dự án theo ngành, lĩnh vực quản lý tập trung ở 02 ngành: ngành tài nguyên và môi trường và ngành cấp nước và xử lý rác thải, nước thải và chi lồng ghép từ nhiều chương trình như Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn, Chương trình khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu,...) là khoảng *24.246* tỷ đồng.

- Tổng số chi từ dự phòng NSTW để phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hỗ trợ các địa phương xử lý các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách trong năm như đê kè, hồ chứa,... là khoảng *18.480* tỷ đồng.

Như vậy, trong giai đoạn 2012 - 2016, chi NSNN cho nhiệm vụ BVMT (bao gồm cả các khoản vay, viện trợ đã đưa vào NSNN để chi thường xuyên cho BVMT hoặc chi đầu tư phát triển BVMT; chưa tính chi các hoạt động kinh tế, chi đầu tư phát triển, chi dự phòng của ngân sách địa phương cho các nhiệm vụ BVMT và các khoản vay, viện trợ chi trực tiếp cho dự án về BVMT không đưa vào NSNN) bình quân là khoảng 26.371 tỷ đồng/năm, cao hơn số thu thuế BVMT (bình quân là khoảng 21.197 tỷ đồng/năm).

Ngoài ra còn một số nội dung, nhiệm vụ do NSNN chi trả góp phần BVMT như: dự án Xây dựng tuyến đường sắt trên cao, các dự án, chương trình khoa học công nghệ ứng dụng công nghệ xanh, bền vững,...

Bên cạnh những kết quả đạt được, Luật thuế BVMT cần thiết phải được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung xuất phát từ những lý do cụ thể như sau:

**1. Thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về hoàn thiện chính sách tài chính về BVMT hướng tới phát triển bền vững**

Hiến pháp năm 2014 quy định: *Nhà nước có chính sách bảo vệ môi trường; Nhà nước khuyến khích mọi hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo; Tổ chức, cá nhân gây ô nhiêm môi trường phải bị xử lý nghiêm và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại.*

Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 3/6/2013 Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT nêu rõ: *“Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính, tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Quán triệt và vận dụng có hiệu quả các nguyên tắc: người gây ô nhiễm phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường; người được hưởng lợi từ tài nguyên, môi trường phải có nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”*.

Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ) đã đưa ra giải pháp *“Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách theo hướng điều chỉnh, bổ sung và ban hành mới nhằm đảm bảo khung pháp lý đầy đủ cho việc thực hiện Chiến lược Phát triển bền vững ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020. Tập trung hoàn chỉnh hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường,…”; “Tăng cường áp dụng các công cụ tài chính (thuế, phí, …) để tăng nguồn tài chính cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia”.*

**2. Khắc phục những vướng mắc của Luật thuế BVMT hiện hành**

Qua tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế BVMT cho thấy chính sách thuế BVMT đã bộc lộ một số vướng mắc cần được hoàn thiện nhằm đảm bảo thuế BVMT là một công cụ kinh tế quan trọng góp phần hạn chế việc sản xuất và sử dụng các hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, hướng tới phát triển bền vững. Cụ thể:

- Cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định về phạm vi điều chỉnh để đảm bảo bao quát các nội dung được quy định tại Luật.

- Cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định giải thích từ ngữ về túi ni lông thuộc diện chịu thuế, dung dịch hydro-chloro-fluoro-carbon (HCFC) và quy định về đối tượng chịu thuế đối với dung dịch HCFC để nâng cao tính pháp lý và bao quát các trường hợp phát sinh trong thực tế.

- Cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng không chịu thuế và hoàn thuế BVMT để đảm bảo tính thống nhất, phù hợp với Luật hải quan, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, đồng thời đảm bảo nguyên tắc thuế BVMT chỉ thu đối với hàng hóa khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường tại Việt Nam.

- Cần thiết sửa đổi, bổ sung khung thuế BVMT đối với một số hàng hóa nhằm: (i) Chủ động ứng phó với diễn biến giá dầu trên thị trường thế giới, đảm bảo lợi ích quốc gia trong điều kiện hội nhập sâu khi thực hiện cắt giảm dần thuế nhập khẩu theo các cam kết quốc tế; (ii) Đảm bảo tính ổn định của Luật, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội kịp thời điều chỉnh mức thuế cụ thể trong khung quy định mà Quốc hội đã giao cho Ủy ban thường vụ Quốc hội để đảm bảo lợi ích quốc gia trong trường hợp giá dầu thế giới có biến động lớn; (iii) Tránh chênh lệch nhiều về giá bán xăng dầu của Việt Nam với các nước có chung đường biên giới; (iv) Nâng cao hơn nữa trách nhiệm và nhận thức của tổ chức, cá nhân đối với môi trường và khuyến khích sản xuất, sử dụng hàng hóa thân thiện với môi trường; (v) Đảm bảo thực hiện cam kết của Việt Nam với cộng đồng quốc tế về BVMT.

Đồng thời, cần thiết bổ sung quy định về mức thuế BVMT đối với xăng, dầu sinh học (xăng E5, E10,...) để khuyến khích việc sản xuất và sử dụng xăng, dầu sinh học, góp phần hạn chế việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch gây ô nhiễm môi trường.

- Cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định về thời điểm tính thuế BVMT để phù hợp và tạo điều kiện thuận lợi trong triển khai Luật NSNN; thuận tiện cho doanh nghiệp khi kê khai, nộp thuế cũng như cho cơ quan quản lý thu thuế; đồng thời tránh thất thu NSNN.

**3. Thực hiện mục tiêu cải cách thuế BVMT, góp phần xây dựng hệ thống thuế đồng bộ; hoàn thiện thể chế, cơ chế tài chính và cơ cấu lại ngân sách nhà nước trong giai đoạn tới; đồng thời phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng**

Tại Chiến lược cải cách hệ thống thuế (ban hành kèm theo Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ) đã đề ra mục tiêu cải cách tổng quát hệ thống thuế là: *“Xây dựng hệ thống chính sách thuế đồng bộ, thống nhất, công bằng, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;…”*. Trong đó, nội dung tập trung cải cách của chính sách thuế BVMT là: *“… tiếp tục nghiên cứu, bổ sung đối tượng thu, điều chỉnh mức điều tiết nhằm góp phần hạn chế sử dụng những hàng hóa gây tác động xấu đến môi trường sinh thái”*.

Tại Nghị quyết số 25/2016/QH14 ngày 9/11/2016 của Quốc hội về kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 đã đề ra một trong các mục tiêu cần thực hiện là: *“tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế và cơ chế tài chính quốc gia; huy động, phân phối, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; từng bước cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước”;* đồng thời đề ra một trong các giải pháp thực hiện là: *“thực hiện các giải pháp điều chỉnh chính sách thu theo hướng mở rộng cơ sở thuế, điều chỉnh phạm vi, đối tượng; rà soát, thu hẹp diện miễn, giảm thuế”.*

Tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững đã đề ra một trong các mục tiêu thực hiện là: *“cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô”;* đồng thời đề ra một trong các giải pháp thực hiện là*: “tập trung cơ cấu lại nguồn thu; hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế; tăng tỷ trọng thu nội địa, bảo đảm tỷ trọng hợp lý giữa thuế gián thu và thuế trực thu, khai thác tốt thuế thu từ tài sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường”.*

Ngoài ra, để đảm bảo lợi ích quốc gia trong điều kiện hội nhập kinh tế ngày càng sâu, rộng, phải thực hiện cắt giảm dần thuế nhập khẩu theo các cam kết quốc tế[[2]](#footnote-3); đồng thời chủ động ứng phó với diễn biến khó lường của giá dầu trên thị trường thế giới trong thời gian gần đây[[3]](#footnote-4) thì việc sử dụng các chính sách thuế nội địa, trong đó có chính sách thuế BVMT là một trong những công cụ tài chính hiệu quả và khả thi.

Như vậy, để tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về hoàn thiện chính sách tài chính về BVMT hướng tới phát triển bền vững; khắc phục những vướng mắc của Luật thuế BVMT hiện hành; thực hiện mục tiêu cải cách thuế BVMT, góp phần xây dựng hệ thống thuế đồng bộ, hoàn thiện thể chế, cơ chế tài chính và cơ cấu lại nguồn thu NSNN trong giai đoạn tới; đồng thời phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng thì việc sửa đổi, bổ sung Luật thuế BVMT là cần thiết.

**II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XÂY DỰNG LUẬT**

**1. Quan điểm**

- Thể chế hóa kịp thời, đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách tài chính về BVMT và cơ cấu lại NSNN trong giai đoạn tới;

- Bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật về thuế và pháp luật khác có liên quan; phù hợp Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020;

- Bảo đảm lợi ích quốc gia trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng, đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế.

**2. Mục tiêu**

- Kịp thời sửa đổi, bổ sung những hạn chế của Luật thuế BVMT hiện hành nhằm nâng cao hơn nữa trách nhiệm và nhận thức của tổ chức, cá nhân đối với môi trường và khuyến khích sản xuất, sử dụng hàng hóa thân thiện với môi trường;

- Tiếp cận có chọn lọc thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam;

- Động viên hợp lý đóng góp của xã hội, góp phần tăng thu NSNN từ đó gián tiếp tạo thêm nguồn thu để giải quyết vấn đề môi trường, nhưng vẫn đảm bảo tính cạnh tranh của nền kinh tế, của các sản phẩm chủ yếu của Việt Nam;

- Đảm bảo chính sách công khai, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, thuận lợi hơn cho người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế, góp phần thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế BVMT, nghiên cứu các chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về BVMT, chính sách tài chính về BVMT và lập đề nghị xây dựng dự án Luật.

Ngày 14/2/2017, Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 22/TTr-BTC trình Chính phủ về đề nghị xây dựng dự án Luật.

Ngày 10/3/2017, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình số 78/TTr-CP trình Ủy ban thường vụ Quốc hội về đề nghị của Chính phủ về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018; điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2017, trong đó đề nghị bổ sung dự án Luật vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2017 của Quốc hội, dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến tại 1 kỳ họp (kỳ họp thứ 4 tháng 10/2017).

Ngày 22/4/2017, tại kỳ họp thứ 9, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã đồng ý trình Quốc hội bổ sung dự án Luật vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2017 của Quốc hội (việc thông qua 1 kỳ hay 2 kỳ sẽ phụ thuộc vào nội dung chuẩn bị của dự án Luật).

Để soạn thảo, xây dựng hồ sơ dự án Luật trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 4, tháng 10/2017, Bộ Tài chính đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập để xây dựng dự án Luật (Quyết định số 713/2017/QĐ-BTC ngày 24/4/2017 của Bộ Tài chính).

Ngày 10/5/2017, Ban Soạn thảo và Tổ biên tập đã họp để cho ý kiến về dự án Luật.

Dự án Luật đã được gửi xin ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức xã hội, các hiệp hội doanh nghiệp; đồng thời, lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân thông qua Trang thông tin điện tử của Chính phủ và Trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính (Công văn số .../BTC-CST ngày .../.../2017 của Bộ Tài chính). Bộ Tài chính đã nghiên cứu ý kiến đóng góp, tiếp thu hoàn chỉnh dự án Luật. Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia đã được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Chính phủ và Trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính (Công văn số .../BTC-CST ngày .../.../2017 của Bộ Tài chính).

Dự án Luật đã được gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Công văn số .../BTC-CST ngày .../.../2017 của Bộ Tài chính). Ngày .../.../2017, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số .../BTP-PLDSKT về dự án Luật. Bộ Tài chính đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và hoàn chỉnh dự án Luật.

**IV. NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO LUẬT**

**1. Về phạm vi điều chỉnh**

Tại Điều 1 Luật thuế BVMT về phạm vi điều chỉnh quy định: *“Luật này quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ tính thuế, khai thuế, tính thuế, nộp thuế và hoàn thuế bảo vệ môi trường”*.

Tuy nhiên, tại Luật còn quy định thêm các nội dung về phương pháp tính thuế, biểu khung thuế, thời điểm tính thuế, do đó, đề nghị bổ sung vào Điều 1 Luật thuế BVMT về phạm vi điều chỉnh các nội dung: *phương pháp tính thuế, biểu khung thuế, thời điểm tính thuế* cho phù hợp.

(Nội dung này được thể hiện tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Luật)

**2. Về giải thích từ ngữ**

***a) Túi ni lông thuộc diện chịu thuế***

Tại khoản 3 Điều 2 Luật thuế BVMT về giải thích từ ngữ quy định: *“Túi ni lông thuộc diện chịu thuế là loại túi, bao bì được làm từ màng nhựa đơn polyetylen, tên kỹ thuật là túi nhựa xốp”*.

Tại Nghị định số 69/2012/NĐ-CP ngày 14/9/2012 của Chính phủ đã quy định túi ni lông thuộc diện chịu thuế là loại túi, bao bì nhựa mỏng có hình dạng túi - có miệng túi, có đáy túi, có thành túi và có thể đựng sản phẩm trong đó; đồng thời quy định bao bì đóng gói sẵn hàng hóa và túi ni lông đáp ứng tiêu chí thân thiện với môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường được loại trừ khi xác định là túi ni lông thuộc diện chịu thuế BVMT.

Để nâng cao tính pháp lý, đảm bảo rõ ràng về quy định túi ni lông thuộc đối tượng chịu thuế và đảm bảo đúng tên kỹ thuật của túi ni lông, đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Luật thuế BVMT về giải thích từ ngữ như sau: “Túi ni lông thuộc diện chịu thuế là loại túi, bao bì được làm từ màng nhựa đơn polyetylen, ~~tên kỹ thuật là túi nhựa xốp,~~ *có hình dạng túi (có miệng túi, có đáy túi, có thành túi và có thể đựng sản phẩm trong đó), trừ túi, bao bì đã đóng gói sẵn hàng hóa và túi ni lông đáp ứng tiêu chí thân thiện với môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường”.*

(Nội dung này thể hiện tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Luật)

***b) Dung dịch hydro-choloro-flouro-carbon (HCFC)***

Tại khoản 4 Điều 2 Luật thuế BVMT về giải thích từ ngữ quy định: *“Dung dịch hydro-choloro-flouro-carbon (HCFC) là nhóm chất gây suy giảm tầng ô dôn dùng làm môi chất làm lạnh”.*

Trên thực tế, ngoài dung dịch HCFC sử dụng làm môi chất lạnh, còn tồn tại dung dịch HCFC dưới dạng chất hỗn hợp chứa HCFC được sử dụng vào các mục đích khác (như chất Polyol có trộn sẵn chất HCFC-141b sử dụng để sản xuất tấm cách âm, cách nhiệt). Vì vậy, để bao quát các trường hợp phát sinh trên thực tế, đề nghị bỏ cụm từ “*dùng làm môi chất làm lạnh”* tại khoản 4 Điều 2 Luật thuế BVMT nêu trên.

(Nội dung này thể hiện tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Luật)

**3. Về đối tượng chịu thuế**

- Tại khoản 3 Điều 3 Luật thuế BVMT quy định: *“Dung dịch hydro-chloro-fluoro-carbon (HCFC)”* thuộc đối tượng chịu thuế BVMT.

Như đã báo cáo nêu trên, để đảm bảo cơ sở pháp lý chặt chẽ về thu thuế BVMT đối với dung dịch HCFC dưới dạng chất hỗn hợp, đề nghị bổ sung nội dung *“bao gồm cả dung dịch HCFC có trong chất hỗn hợp chứa dung dịch HCFC”* vàokhoản 3 Điều 3 Luật thuế BVMT*.*

(Nội dung này thể hiện tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Luật)

- Trong quá trình thảo luận xây dựng dự án Luật, có ý kiến đề nghị rà soát bổ sung các hàng hóa khác khi sử dụng cũng gây ô nhiễm môi trường vào đối tượng chịu thuế như ắc quy, máy tính, chất tẩy rửa công nghiệp...

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Qua rà soát, trên thực tế có nhiều loại hàng hóa khi sử dụng gây ô nhiễm với các mức độ khác nhau (như dầu thô, ắc quy, máy tính, lốp xe, hóa chất tẩy rửa công nghiệp, phân bón hóa học...). Tuy nhiên, việc lựa chọn thêm hàng hóa khi sử dụng gây ô nhiễm môi trường để bổ sung vào đối tượng chịu thuế BVMT cần phải đáp ứng các nguyên tắc sau: (i) phải là những hàng hóa được sản xuất, nhập khẩu mà khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường; (ii) phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia và phù hợp với thông lệ quốc tế; (iii) đảm bảo tính khả thi, không tác động đến năng lực cạnh tranh của hàng Việt Nam, đặc biệt là hàng xuất khẩu. Qua nghiên cứu cho thấy, việc bổ sung một số hàng hóa như nêu trên vào đối tượng tượng chịu thuế BVMT trong bối cảnh hiện nay là chưa phù hợp (dầu thô đã được sử dụng để sản xuất ra các mặt hàng xăng dầu đang thuộc đối tượng chịu thuế BVMT; các sản phẩm ắc quy, máy tính, lốp xe sau khi sử dụng sẽ phải thực hiện cơ chế thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ[[4]](#footnote-5); hóa chất tẩy rửa công nghiệp gây tác động xấu đến môi trường thông qua việc xả nước thải công nghiệp, chất thải rắn đang thuộc đối tượng chịu phí BVMT đối với nước thải, chất thải rắn; phân bón hóa học là sản phẩm đầu vào thiết yếu cho ngành sản xuất nông nghiệp, nếu thu thuế BVMT sẽ làm tăng chi phí, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, trong khi hiện nay Nhà nước đang thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ, phát triển sản xuất nông nghiệp).

**4. Về đối tượng không chịu thuế**

***a) Về hàng hóa vận chuyển quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển***

Tại điểm a khoản 2 Điều 4 Luật thuế BVMT về đối tượng không chịu thuế BVMT quy định: *“a) Hàng hóa vận chuyển quá cảnh hoặc chuyển khẩu qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam theo quy định của pháp luật...”*

Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 2 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu về đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì ngoài quy định không áp dụng đối với hàng hóa quá cảnh, chuyển cảnh còn quy định không áp dụng đối với hàng hóa **trung chuyển**.

Để phù hợp với quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, đề nghị bổ sung hàng hóa **trung chuyển** vào đối tượng không chịu thuế BVMT tại điểm a khoản 2 Điều 4 Luật thuế BVMT.

(Nội dung này thể hiện tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Luật)

***b) Về hàng hóa tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu***

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Luật thuế BVMT thì *hàng hóa tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu trong thời hạn theo quy định của pháp luật* thuộc đối tượng không chịu thuế BVMT; Theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 11 Luật thuế BVMT thì *hàng hóa tạm nhập khẩu để tái xuất khẩu theo phương thức kinh doanh hàng tạm nhập, tái xuất và hàng hóa tạm nhập khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm theo quy định của pháp luật khi tái xuất khẩu ra nước ngoài* thuộc trường hợp được hoàn thuế BVMT.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 46 và khoản 2 Điều 48 Luật hải quan thì hàng hóa kinh doanh tạm nhập và hàng hóa tạm nhập khẩu đều phải thực hiện tái xuất hoặc tái xuất khẩu trong thời hạn quy định. Đồng thời, tại điểm a và đ khoản 9 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định miễn thuế đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất trong thời hạn nhất định, bao gồm: *Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm;* và *hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất trong thời hạn tạm nhập, tái xuất (bao gồm cả thời gian gia hạn) được tổ chức tín dụng bảo lãnh hoặc đã đặt cọc một khoản tiền tương đương số tiền thuế nhập khẩu của hàng hóa tạm nhập, tái xuất.*

Để phù hợp với Luật hải quan, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; đảm bảo phù hợp với quy định về đối tượng không chịu thuế đối với hàng hóa tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; đồng thời đảm bảo quản lý chặt chẽ, tránh cách hiểu khác nhau, tránh trường hợp hàng hóa tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu được sử dụng ở Việt Nam, gây ô nhiễm môi trường trong thời hạn tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, đề nghị chuyển quy định về hoàn thuế tại khoản 3, khoản 5 Điều 11 Luật thuế BVMT sang quy định về đối tượng không chịu thuế và sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Luật thuế BVMT về đối tượng không chịu thuế đối với hàng hóa tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu như sau: “b) Hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất trong thời hạn *tạm nhập, tái xuất và**hàng hóa tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu trong thời hạn**tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu*theo quy định, *chưa qua sử dụng, gia công, chế biến tại Việt Nam. Thời hạn quy định tại điểm này bao gồm cả thời gian gia hạn.”*

(Nội dung này thể hiện tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Luật)

***c) Về hàng hóa do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân mua để xuất khẩu***

Tại điểm c khoản 2 Điều 4 Luật thuế BVMT về đối tượng không chịu thuế quy định: *“c)* *Hàng hóa do cơ sở sản xuất trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác cho cơ sở kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu, trừ trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân mua hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường để xuất khẩu”*.

Theo Luật thuế BVMT thì về nguyên tắc, thuế BVMT chỉ thu đối với hàng hóa khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường tại Việt Nam. Mặt khác, theo đề xuất sửa đổi, bổ sung về thời điểm tính thuế BVMT tại mục 7 dưới đây thì thời điểm tính thuế BVMT (đối với các hàng hóa, bao gồm cả xăng dầu) là tại khâu sản xuất bán ra hoặc tại khâu nhập khẩu. Vì vậy, quy định không thu thuế BVMT đối với hàng hóa do cơ sở sản xuất trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác cho cơ sở kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu, nhưng thu thuế BVMT đối với trường hợp tổ chức, cá nhân mua hàng hóa để xuất khẩu (bao gồm cả hàng hóa được mua làm nguyên liệu, vật tư để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu) theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 nêu trên là chưa phù hợp do các hàng hóa này đều không tiêu dùng tại Việt Nam, không gây ảnh hưởng đến môi trường Việt Nam.

Để đảm bảo nguyên tắc thu thuế BVMT nêu trên, đồng thời đảm bảo công tác quản lý thu thuế được chặt chẽ, đề nghị trường hợp tổ chức, cá nhân mua hàng hóa đã được nộp thuế BVMT để xuất khẩu (bao gồm cả hàng hóa được mua làm nguyên liệu, vật tư để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu) thì được hoàn số thuế BVMT đã nộp tương ứng với hàng hóa đã xuất khẩu hoặc hàng hóa là nguyên liệu, vật tư có trong hàng hóa xuất khẩu.

Theo đó, đề nghị bỏ nội dung “*trừ trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân mua hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường để xuất khẩu”* tại điểm c khoản 2 Điều 4 Luật thuế BVMT về đối tượng không chịu thuế. Đồng thời, bổ sung một khoản tại Điều 11 về hoàn thuế BVMT như sau:*“Hàng hóa sản xuất hoặc nhập khẩu đã nộp thuế BVMT được tổ chức, cá nhân mua để xuất khẩu (bao gồm cả hàng hóa mua làm nguyên liệu, vật tư để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu)”.*

(Nội dung này thể hiện tại khoản 4 và khoản 7 Điều 1 dự thảo Luật)

***d) Về hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để trực tiếp gia công hoặc sản xuất hàng hóa xuất khẩu***

Tại Luật thuế BVMT không quy định rõ trường hợp hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công hàng hóa xuất khẩu hoặc để sản xuất hàng hóa xuất khẩu có thuộc đối tượng không chịu thuế hay không?

Tại Điều 2 Thông tư số 159/2012/TT-BTC ngày 28/9/2012 của Bộ Tài chính quy định nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công hàng hóa xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế BVMT. Tuy nhiên, hàng hóa nhập khẩu để gia công hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu có bản chất tương tự nhau, do hàng hóa sau đó được xuất khẩu, không tiêu dùng tại Việt Nam, không gây ảnh hưởng đến môi trường Việt Nam.

Mặt khác, tại khoản 6 và khoản 7 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công sản phẩm xuất khẩu hoặc để sản xuất hàng hóa xuất khẩu thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu.

Để đảm bảo nguyên tắc thu thuế BVMT đối với hàng hóa khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường tại Việt Nam và phù hợp với Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, đề nghị bổ sung một điểm vào khoản 2 Điều 4 Luật thuế BVMT về đối tượng không chịu thuế như sau: *“Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư được nhập khẩu để trực tiếp gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu”.*

(Trường hợp hàng hóa nhập khẩu đã được nộp thuế BVMT, sau đó được tổ chức, cá nhân mua làm nguyên liệu, vật tư để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu thuộc trường hợp hoàn thuế BVMT theo đề nghị tại điểm c nêu trên).

(Nội dung này thể hiện tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Luật)

**5. Về phương pháp tính thuế**

Quy định tại Điều 7 Luật thuế BVMT về phương pháp tính thuế *(Số thuế bảo vệ môi trường phải nộp bằng số lượng đơn vị hàng hóa chịu thuế nhân với mức thuế tuyệt đối quy định trên một đơn vị hàng hóa)* là chưa thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật thuế BVMT về căn cứ tính thuế *(Căn cứ tính thuế bảo vệ môi trường là số lượng hàng hóa tính thuế và mức thuế tuyệt đối)*. Vì vậy, đề nghị thay cụm từ *“số lượng đơn vị hàng hóa chịu thuế”* tại Điều 7 Luật thuế BVMT bằng cụm từ *“số lượng hàng hóa tính thuế”* cho phù hợp với quy định tại Điều 6 Luật thuế BVMT.

(Nội dung này thể hiện tại khoản 5 Điều 1 dự thảo Luật)

**6. Về biểu khung thuế**

***a) Đối với xăng, dầu, mỡ nhờn***

Mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn đã bằng mức tối đa trong khung thuế (đối với nhiên liệu bay) hoặc gần bằng mức tối đa trong khung thuế. Theo đó, trường hợp cần thiết phải điều chỉnh mức thuế BVMT đối với xăng dầu để phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước trong từng thời kỳ là rất khó, đặc biệt trong điều kiện phải cắt giảm dần thuế nhập khẩu đối với xăng dầu theo cam kết quốc tế; và giá xăng dầu của Việt Nam hiện đang thấp hơn so với giá xăng dầu của các nước có chung đường biên giới nói riêng và nhiều nước khác trong khu vực ASEAN và Châu Á nói chung.

Trên cơ sở tính toán trên các yếu tố:

(i) Việc thực hiện cắt giảm dần thuế nhập khẩu theo cam kết trong các hiệp định thương mại tự do (Hiện nay, Việt Nam đã và đang tham gia 11 Hiệp định thương mại tự do);

(ii) Hiện nay, giá bán lẻ xăng dầu ở Việt Nam cơ bản đang thấp hơn so với các nước có chung đường biên giới nói riêng và nhiều nước khác trong khu vực ASEAN. Theo bảng xếp hạng của trang web Global Petrol Prices vào ngày 8/5/2017 thì giá bán lẻ xăng dầu của Việt Nam đang ở mức thấp (trong 170 nước thì Việt Nam đứng thứ 44 từ thấp đến cao, nghĩa là có 126 nước có giá bán lẻ xăng dầu cao hơn Việt Nam, trong đó Philippines đứng thứ 60, Campuchia đứng thứ 61, Thái Lan đứng thứ 82, Lào đứng thứ 93). Với mức giá bán lẻ xăng Ron92 của Việt Nam (giá bán lẻ xăng Ron92 vùng 1 của Petrolimex) cập nhật đến ngày 8/5/2017 là 17.580 đồng/lít; thấp hơn Lào là 4.456 đồng/lít, Campuchia là 3.768 đồng/lít, Singapore là 16.528 đồng/lít, Philippines là 3.613 đồng/lít, Hồng Kông là 27.231 đồng/lít.

(iii) Tỷ lệ thuế *(gồm: thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế BVMT, thuế GTGT)* trên giá cơ sở của Việt Nam đang ở mức thấp (37,49% đối với xăng; 20,76% đối với dầu diesel; 11,59% đối với dầu hỏa; và 19,13% đối với dầu mazút) so với nhiều nước (Hàn Quốc khoảng 70,3%; Campuchia khoảng 40%; Lào khoảng 56%, Philipines khoảng 62%; Nga khoảng 52%; Mỹ khoảng 53%, Hồng Kông khoảng 83,%, Thái Lan khoảng 67%).

Theo đó, đề nghị điều chỉnh khung thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn như sau: mức thuế tối thiểu điều chỉnh tăng bằng mức thuế cụ thể đang áp dụng; mức thuế tối đa điều chỉnh tăng bằng 2 lần mức thuế tối đa trong khung thuế hiện hành (khung thuế áp dụng cho lộ trình dài). Riêng đối với dầu hỏa, đề nghị giữ khung thuế BVMT như hiện hành vì dầu hỏa là mặt hàng thiết yếu phục vụ cho đa số người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa. Cụ thể:

| **STT** | **Hàng hóa** | **Đơn vị tính** | **Khung mức thuế****(đồng/1 đơn vị hàng hóa)** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hiện hành** | **Dự kiến điều chỉnh** |
| **I** | **Xăng, dầu, mỡ nhờn, bao gồm** |  |  |  |
| 1 | Xăng | lít | 1.000-4.000 | **3.000-8.000** |
| 2 | Nhiên liệu bay | lít | 1.000-3.000 | **3.000-6.000** |
| 3 | Dầu diezel | lít | 500-2.000 | **1.500-4.000** |
| 4 | Dầu hỏa | lít | 300-2.000 | 300-2.000 |
| 5 | Dầu mazut | kg | 300-2.000 | **900-4.000** |
| 6 | Dầu nhờn | lít | 300-2.000 | **900-4.000** |
| 7 | Mỡ nhờn | kg | 300-2.000 | **900-4.000** |

***b) Đối với xăng dầu sinh học***

Tại điểm a khoản 1 Điều 3 Luật thuế BVMT quy định “xăng, trừ etanol” thuộc đối tượng chịu thuế.

Như vậy, theo quy định hiện hành, thuế BVMT chỉ thu đối với xăng gốc hóa thạch, không thu thuế đối với etanol (E100). Đối với xăng, dầu sinh học (như xăng E5, dầu diesel B5 - có tỷ lệ 4-5% etanol; xăng E10, dầu diesel B10 - chứa tỷ lệ 9-10% etanol) thì chỉ tính thu thuế BVMT theo tỷ lệ xăng, dầu gốc hóa thạch có trong xăng, dầu sinh học.

Tại Quyết định số 53/2012/QĐ-TTg ngày 22/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống giao*: Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các chính sách ưu đãi về thuế đối với các sản phẩm nhiên liệu sinh học theo từng giai đoạn của lộ trình; Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về nhiên liệu sinh học thực hiện lộ trình thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.*

Để khuyến khích hơn nữa việc sản xuất và sử dụng xăng, dầu sinh học theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đề nghị bổ sung 1 khoản tại Điều 8 Luật thuế BVMT quy định mức thuế BVMT ưu đãi đối với xăng, dầu sinh học như sau:

*b1) Đối với xăng E5, E10 và dầu diesel B5, B10:*

- Phương án 1:

+ Đối với xăng E5 và dầu diesel B5: mức thuế cụ thể bằng 80% mức thuế cụ thể của xăng gốc hóa thạch và dầu diesel tương ứng.

+ Đối với xăng E10 và dầu diesel B10: mức thuế cụ thể bằng 70% mức thuế cụ thể của xăng gốc hóa thạch và dầu diesel tương ứng.

*(Quy định này tương tự như quy định về mức thuế tiêu thụ đặc biệt ưu đãi đối với xăng sinh học: xăng khoáng là 10%, xăng E5 là 8%, xăng E10 là 7%)*

Theo phương án này, với mức thuế BVMT đối với xăng gốc hóa thạch là 3.000 đồng/lít thì mức thuế BVMT đối với xăng E5 là 2.400 đồng/lít (giảm 600 đồng/lít so với xăng gốc hóa thạch) và mức thuế BVMT đối với xăng E10 là 2.100 đồng/lít (giảm 900 đồng/lít so với xăng gốc hóa thạch). Khi đó, mức chênh lệch giữa giá xăng gốc hóa thạch và giá xăng E5, xăng E10 thông qua ưu đãi thuế BVMT, thuế TTĐB và thuế GTGT như sau:

+ Đối với xăng E5: Số thuế phải nộp đối với xăng E5 sẽ thấp hơn xăng gốc hóa thạch là 803đồng/lít, trong đó: Thuế BVMT là 600 đồng/lít (hiện hành là 150 đồng/lít); Thuế TTĐB là 135 đồng/lít (hiện hành là 135 đồng/lít). Thuế GTGT là 68 đồng/lít (hiện hành là 23 đồng/lít). Theo đó, giá xăng E5 sẽ thấp hơn giá xăng gốc hóa thạch thông qua ưu đãi thuế là 803 đồng/lít (ưu đãi hơn hiện hành là 495 đồng/lít - hiện hành đang là 308 đồng/lít).

+ Đối với xăng E10: Số thuế phải nộp đối với xăng E10 sẽ thấp hơn xăng gốc hóa thạch là 1.230đồng/lít, trong đó: Thuế BVMT là 900 đồng/lít (hiện hành là 300 đồng/lít); Thuế TTĐB là 238 đồng/lít (hiện hành là 238 đồng/lít). Thuế GTGT là 92 đồng/lít (hiện hành là 32 đồng/lít). Theo đó, giá xăng E10 sẽ thấp hơn giá xăng gốc hóa thạch thông qua ưu đãi thuế là 1.230 đồng/lít (ưu đãi hơn hiện hành là 660 đồng/lít - hiện hành đang là 570 đồng/lít).

- Phương án 2 (ưu đãi thấp hơn phương án 1):

+ Đối với xăng E5 và dầu diesel B5: mức thuế cụ thể bằng 90% mức thuế cụ thể của xăng gốc hóa thạch và dầu diesel tương ứng.

+ Đối với xăng E10 và dầu diesel B10: mức thuế cụ thể bằng 80% mức thuế cụ thể của xăng gốc hóa thạch và dầu diesel tương ứng.

Theo phương án này, với mức thuế BVMT đối với xăng gốc hóa thạch là 3.000 đồng/lít thì mức thuế BVMT đối với xăng E5 là 2.700 đồng/lít (giảm 300 đồng/lít so với xăng gốc hóa thạch) và mức thuế BVMT đối với xăng E10 là 2.400 đồng/lít (giảm 600 đồng/lít so với xăng gốc hóa thạch). Khi đó, mức chênh lệch giữa giá xăng gốc hóa thạch và giá xăng E5, xăng E10 thông qua ưu đãi thuế BVMT, thuế TTĐB và thuế GTGT như sau:

+ Đối với xăng E5: Số thuế phải nộp đối với xăng E5 sẽ thấp hơn xăng gốc hóa thạch là 473đồng/lít, trong đó: Thuế BVMT là 300 đồng/lít (hiện hành là 150 đồng/lít); Thuế TTĐB là 135 đồng/lít (hiện hành là 135 đồng/lít). Thuế GTGT là 38 đồng/lít (hiện hành là 23 đồng/lít). Theo đó, giá xăng E5 sẽ thấp hơn giá xăng gốc hóa thạch thông qua ưu đãi thuế là 473 đồng/lít (ưu đãi hơn hiện hành là 165 đồng/lít - hiện hành đang là 308 đồng/lít).

+ Đối với xăng E10: Số thuế phải nộp đối với xăng E10 sẽ thấp hơn xăng gốc hóa thạch là 900đồng/lít, trong đó: Thuế BVMT là 600 đồng/lít (hiện hành là 300 đồng/lít); Thuế TTĐB là 238 đồng/lít (hiện hành là 238 đồng/lít). Thuế GTGT là 62 đồng/lít (hiện hành là 32 đồng/lít). Theo đó, giá xăng E10 sẽ thấp hơn giá xăng gốc hóa thạch thông qua ưu đãi thuế là 900 đồng/lít (ưu đãi hơn hiện hành là 330 đồng/lít - hiện hành đang là 570 đồng/lít).

Để khuyến khích việc sản xuất và sử dụng xăng, dầu sinh học E5, E10, B5, B10 và thống nhất với quy định của chính sách thuế TTĐB, Bộ Tài chính chọn phương án 1.

*b2) Đối với xăng, dầu sinh học khác (xăng, dầu sinh học có tỷ lệ etanol khác với xăng E5, E10 và dầu diesel B5, B10)*

Trên thực tế, sẽ có nhiều sản phẩm xăng, dầu sinh học khác với tên gọi khác nhau tùy thuộc vào tỷ lệ phối trộn etanol (hiện xăng, dầu sinh học có tỷ lệ phối trộn etanol cao nhất là 85%); và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về nhiên liệu sinh học có thể có sự thay đổi. Vì vậy, để có cơ sở quy định mức thuế BVMT ưu đãi đối với xăng, dầu sinh học khác có thể phát sinh sau này, đề nghị bổ sung 1 khoản tại Điều 8 Luật thuế BVMT quy định: *Trường hợp phát sinh xăng, dầu sinh học mới, Chính phủ căn cứ mức thuế đối với xăng, dầu gốc hóa thạch và tỷ lệ etanol trong xăng, dầu sinh học để quy định mức thuế cho phù hợp với lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thốn*g.

(Nội dung này thể hiện tại khoản 6 Điều 1 dự thảo Luật)

*Ngoài ra,* trong quá trình thảo luận, xây dựng dự án Luật, có ý kiến đề nghị bổ sung khung thuế BVMT ưu đãi đối với xăng dầu đáp ứng tiêu chuẩn khí thải mức 3, mức 4, mức 5.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Theo Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới như sau: đối với các loại xe ô tô (trừ ô tô chạy bằng dầu diesel cho phép thực hiện đến hết 31/12/2017) áp dụng tiêu chuẩn khí thải mức 4 từ ngày 01/01/2017 và mức 5 từ ngày 01/01/2022; đối với các loại xe mô tô hai bánh áp dụng tiêu chuẩn khí thải mức 3 từ ngày 01/01/2017.

Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải mức 3[[5]](#footnote-6) và mức 4[[6]](#footnote-7) (chưa có quy chuẩn khí thải mức 5) thì: nhiên liệu để thử nghiệm khí thải mức 3 là nhiên liệu thông dụng phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về nhiên liệu hiện hành, đối với xăng phải có chỉ số ốc tan RON nhỏ nhất là 95; nhiên liệu để thử nghiệm khí thải mức 4 tùy vào từng loại động cơ xe sẽ sử dụng các loại nhiên liệu khác nhau, gồm: xăng không chì, xăng E5; nhiên liệu diesel, nhiên liệu diesel B5; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên (NG); xăng không chì và LPG, xăng không chì và NG. Ngoài ra, tiêu chuẩn khí thải mức 3 và mức 4 nêu trên còn căn cứ vào các điều kiện khác như giá trị giới hạn chất khí gây ô nhiễm, độ khói, giá trị giới hạn của hệ thống hấp thụ ánh sáng...

Như vậy, tùy thuộc vào động cơ xe, loại xe để sử dụng các loại nhiên liệu khác nhau đảm bảo tiêu chuẩn khí thải mức 3, mức 4, trong đó các loại xăng dầu gốc hóa thạch và xăng, dầu sinh học vẫn được sử dụng và đã được quy định khung, mức thuế BVMT theo đề xuất nêu trên. Mặt khác nếu chi tiết từng loại xăng, dầu theo tiêu chuẩn khí thải mức 3, mức 4 để đánh thuế thì sẽ rất phức tạp và không có căn cứ để quy định mức thuế như đối với xăng, dầu sinh học (căn cứ là tỷ lệ etanol có trong xăng, dầu sinh học).

Do đó, đề nghị không quy định khung, mức thuế BVMT ưu đãi riêng đối với xăng dầu theo tiêu chuẩn khí thải mức 3 và mức 4, mức 5.

***c) Đối với dung dịch HCFC***

Luật thuế BVMT quy định khung mức thuế BVMT đối với dung dịch HCFC từ 1.000 đồng/kg - 5.000 đồng/kg, mức thuế hiện hành là 4.000 đồng/kg, gần bằng mức tối đa trong khung thuế.

Theo Nghị định thư Montreal về hạn chế sử dụng các chất làm suy giảm tầng ô dôn thì Việt Nam sẽ phải loại trừ hoàn toàn việc sử dụng dung dịch HCFC vào năm 2030. Việc áp dụng mức thuế BVMT cao đối với dung dịch HCFC sẽ là một trong những giải pháp góp phần giảm dần sử dụng dung dịch HCFC. Theo đó, BTC đề nghị điều chỉnh khung thuế BVMT đối với dung dịch HCFC theo 2 phương án như sau:

Phương án 1: Điều chỉnh khung thuế BVMT đối với dung dịch HCFC từ 1.000-5.000 đồng/kg lên từ **4.000- 10.000 đồng/kg** (mức tối thiểu điều chỉnh tăng bằng mức thuế đang áp dụng, mức đa điều chỉnh tăng bằng 2 lần mức tối đa trong khung thuế hiện hành).

Phương án 2: Điều chỉnh khung thuế BVMT đối với dung dịch HCFC từ 1.000-5.000 đồng/kg lên từ **4.000- 20.000 đồng/kg** (mức tối thiểu điều chỉnh tăng bằng mức thuế đang áp dụng, mức đa điều chỉnh tăng bằng 2 lần mức tối đa trong khung thuế hiện hành).

Để hạn chế việc sử dụng dung dịch HCFC, khuyến khích việc nhanh chóng loại trừ hoàn toàn việc sử dụng dung dịch HCFC theo Nghị định thư Montreal, Bộ Tài chính chọn phương án 2.

(Nội dung này thể hiện tại khoản 6 Điều 1 dự thảo Luật)

***d) Đối với túi ni lông thuộc diện chịu thuế***

Luật thuế BVMT quy định khung mức thuế BVMT đối với túi ni lông từ 30.000 đồng/kg - 50.000 đồng/kg, mức thuế hiện hành là 40.000 đồng/kg (tương đương khoảng 200 - 400 đồng/túi - 1kg túi ni lông có thể có từ 100 - 200 túi). Nếu tăng mức thuế BVMT đối với túi ni lông lên mức tối đa trong khung thuế là 50.000 đồng/kg thì cũng chỉ tương đương từ 250 - 500 đồng/túi.

Theo kinh nghiệm quốc tế thì nhiều nước trên thế giới đang áp dụng mức thuế BVMT cao hoặc cấm sản xuất, bán, sử dụng túi ni lông. Cụ thể như: ở Anh: 15cent/túi, tương đương 4.500 đồng/túi; Ailen: 15cent/túi, tương đương 4.500 đồng/túi; Hồng Kông: 0,05USD/túi, tương đương 1.050 đồng/túi; Estonia đang dự kiến thu thuế đối với túi ni lông ở mức 2 kroons/túi, tương đương 3.000 đồng/túi. Một số nước khác còn cấm sản xuất, bán, sử dụng túi ni lông mỏng, ví dụ như Trung Quốc cấm sản xuất, bán, sử dụng túi ni lông có độ dày nhỏ hơn 0,025mm.

Như vậy, khung và mức thu thuế BVMT đối với túi ni lông của Việt Nam là rất thấp so với các nước trên thế giới, nên chưa có tác động nhiều tới hạn chế việc sản xuất, sử dụng túi ni lông. Do đó, cùng với các biện pháp quản lý khác, để góp phần thực hiện mục tiêu giảm dần việc sử dụng túi ni lông khó phân hủy trong tiêu dùng, phù hợp với thông lệ quốc tế, đề nghị điều chỉnh khung mức thuế BVMT đối với túi ni lông từ 30.000-50.000 đồng/kg lên từ **40.000-200.000** đồng/kg (mức thuế tối thiểu điều chỉnh tăng bằng mức thuế cụ thể đang áp dụng; mức thuế tối đa điều chỉnh tăng bằng 4 lần mức thuế tối đa trong khung thuế hiện hành).

(Nội dung này thể hiện tại khoản 6 Điều 1 dự thảo Luật)

***đ) Hàng hóa khác thuộc đối tượng chịu thuế***

Hàng hóa khác thuộc đối tượng chịu thuế BVMT (than đá; thuốc diệt cỏ, thuốc trừ mối, thuốc bảo quản lâm sản, thuốc khử trùng kho thuộc loại hạn chế sử dụng): mức thuế BVMT cụ thể của các hàng hóa này đang được quy định bằng mức tối thiểu trong khung thuế. Do đó, việc điều chỉnh khung thuế BVMT đối với các hàng hóa này là chưa cần thiết.

**7. Về thời điểm tính thuế**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Luật thuế BVMT thì thời điểm tính thuế BVMT đốivới xăng, dầu sản xuất hoặc nhập khẩu để bán là thời điểm đầu mối kinh doanh xăng, dầu bán ra (do cơ quan thuế thu). Quy định này đảm bảo nguyên tắc xăng dầu tiêu thụ tại địa phương nào thì kê khai, nộp thuế BVMT tại địa phương đó và phù hợp với quy định của pháp luật về NSNN từ thời điểm 31/12/2016 trở về trước (thuế BVMT là khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương (NSTW) và ngân sách địa phương (NSĐP)).

Tuy nhiên, để phù hợp và tạo điều kiện thuận lợi trong triển khai Luật NSNN năm 2015 (*Theo Luật NSNN năm 2015 thì thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu là khoản thu NSTW hưởng 100%*); thuận tiện cho doanh nghiệp khi kê khai, nộp thuế (*không phải thống kê riêng lượng xăng dầu nhập khẩu và lượng xăng dầu sản xuất trong nước bán ra*); thuận lợi cho cơ quan quản lý thu thuế (*không phải tách riêng số thu thuế đối với xăng dầu nhập khẩu để điều tiết về NSTW và số thu thuế đối với xăng dầu sản xuất trong nước do các công ty kinh doanh xăng dầu bán ra để phân chia giữa NSTW và NSĐP*); đồng thời tránh thất thu NSNN *(do các đơn vị lợi dụng kê khai nhập khẩu xăng dầu để bán nhưng thực tế không bán ra mà chỉ dùng cho sản xuất hoặc dùng cho các mục đích khác)*; phù hợp với thời điểm tính thuế của các hàng hóa khác, đề nghị bỏ quy định về thời điểm tính thuế BVMT đối với xăng dầu tại khoản 4 Điều 9 Luật thuế BVMT *(đối với xăng, dầu sản xuất hoặc nhập khẩu để bán, thời điểm tính thuế là thời điểm đầu mối kinh doanh xăng, dầu bán ra)*.

Theo đó, thời điểm tính thuế BVMT đối với xăng dầu sản xuất, nhập khẩu tương tự như thời điểm tính thuế BVMT đối với các hàng hóa khác. Cụ thể:

- Đối với xăng dầu nhập khẩu: đơn vị nhập khẩu xăng dầu (gồm có các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đầu mối) khai, nộp thuế BVMT ngay tại khâu nhập khẩu (số thu điều tiết NSTW 100%).

- Đối với xăng dầu sản xuất trong nước: các Công ty sản xuất xăng dầu trong nước thực hiện khai, nộp thuế BVMT khi xuất bán các sản phẩm xăng dầu do Công ty trực tiếp sản xuất. Trên cơ sở tổng số thuế BVMT thu từ các Công ty sản xuất xăng dầu trong nước, sẽ thực hiện chia cho các địa phương trên cơ sở sản lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ ở địa phương đó, sau đó phân bổ NSTW, NSĐP theo tỷ lệ từng thời kỳ ổn định ngân sách được Quốc hội phê duyệt.

(Nội dung này thể hiện tại Điều 2 dự thảo Luật)

**8. Về hoàn thuế**

***a) Hàng hóa nhập khẩu được tái xuất khẩu***

Tại khoản 1 và khoản 4 Điều 11 Luật thuế BVMT quy định hoàn thuế BVMT đối với: *“Hàng hóa nhập khẩu còn lưu kho, lưu bãi tại cửa khẩu và đang chịu sự giám sát của cơ quan Hải quan, được tái xuất khẩu ra nước ngoài”*; và *“Hàng hóa nhập khẩu do người nhập khẩu tái xuất khẩu ra nước ngoài”.*

Đề nghị gộp khoản 1 và khoản 4 Điều 11 nêu trên thành 1 khoản để tránh trùng lắp như sau: “*Hàng hóa nhập khẩu (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu còn lưu kho, lưu bãi tại cửa khẩu và đang chịu sự giám sát của cơ quan Hải quan) do người nhập khẩu tái xuất khẩu ra nước ngoài”*.

(Nội dung này thể hiện tại khoản 7 Điều 1 dự thảo Luật)

***b) Xăng dầu được mua hoặc nhập khẩu để sản xuất xăng dầu sinh học***

Theo nội dung đề xuất sửa đổi tại mục 7 nêu trên thì thời điểm tính thuế BVMT đối với xăng dầu là ngay tại khâu sản xuất hoặc nhập khẩu bán ra. Do đó, phát sinh trường hợp doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu mua hoặc nhập khẩu xăng dầu để sản xuất (pha chế, phối trộn) xăng dầu sinh học sau đó xuất bán sẽ phải kê khai nộp thuế BVMT đối với xăng dầu gốc hóa thạch (khi mua hoặc khi nhập khẩu) và xăng dầu sinh học khi xuất bán. Để tránh thu trùng, đề nghị khi đơn vị sản xuất xăng dầu sinh học xuất bán xăng sinh học thì được hoàn tiền thuế BVMT tương ứng với số lượng xăng dầu gốc hóa thạch có trong xăng dầu sinh học xuất bán. Theo đó, đề nghị bổ sung một khoản tại Điều 11 về hoàn thuế BVMT như sau:*“Xăng dùng để sản xuất xăng dầu sinh học khi xuất bán đã được nộp thuế bảo vệ môi trường khi mua hoặc nhập khẩu”.*

(Nội dung này thể hiện tại khoản 7 Điều 1 dự thảo Luật)

**V. HÌNH THỨC VÀ BỐ CỤC CỦA DỰ THẢO LUẬT**

**1. Về hình thức và bố cục của dự thảo Luật**

Do hình thức Luật là Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế BVMT nên dự thảo Luật được thiết kế gồm 3 Điều:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế BVMT.

- Điều 2: Bãi bỏ một số khoản của Luật thuế BVMT.

- Điều 3: Hiệu lực thi hành.

**2. Về hiệu lực thi hành**

Để phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng; đảm bảo thực hiện mục tiêu và giải pháp cơ cấu lại NSNN đã được đề ra tại Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 25/2016/QH14 của Quốc hội, đề nghị trình Quốc hội thông qua dự án Luật tại kỳ họp thứ 4 (tháng 10/2017) và thông qua tại 01 (một) kỳ họp.

Theo đó, đề nghị hiệu lực thi hành của dự án Luật là từ ngày 01/7/2018 để bảo đảm kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn thi hành, thực hiện công tác tuyên truyền và chuẩn bị điều kiện quản lý cho cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý thu thuế.

(Nội dung này thể hiện tại Điều 3 dự thảo Luật).

**VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN**

...

Trên đây là những nội dung của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế BVMT. Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);- Các Phó thủ tướng Chính phủ (để b/c)- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp;- Lưu: VT, CST (P4). |  | BỘ TRƯỞNG  Đinh Tiến Dũng |

1. Số thu thuế BVMT từ năm 2015 tăng lên đáng kể (năm 2015 tăng 125,8% so với năm 2014) là do từ tháng 5/2015 thực hiện điều chỉnh tăng thuế BVMT đối với xăng dầu tại Nghị quyết số 888a/2015/UBTVQH13 [↑](#footnote-ref-2)
2. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, các nước đã sử dụng chính sách thuế nội địa để thay thế cho thuế nhập khẩu phải cắt giảm theo các cam kết quốc tế; Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) khuyến nghị các nước sử dụng thuế nội địa để thực hiện các phương án cắt, giảm thuế nhập khẩu theo các cam kết quốc tế. [↑](#footnote-ref-3)
3. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, khi giá dầu thế giới giảm và duy trì ở mức thấp, nhiều nước đã nghiên cứu điều chỉnh chính sách thuế theo hướng tăng và mở rộng đối tượng để đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. [↑](#footnote-ref-4)
4. Theo Điều 68, Điều 87 Luật BVMT số 55/2014/QH13 và Quyết định số 16/2016/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ đã quy định thời điểm thu hồi xử lý các sản phẩm pin, ắc quy các loại, máy vi tính, săm lốp là từ ngày 01/7/2016. [↑](#footnote-ref-5)
5. Quy chuẩn QCVN 77:2014/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BGTVT [↑](#footnote-ref-6)
6. Quy chuẩn QCVN 86:2015/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 33/2015/TT-BGTVT [↑](#footnote-ref-7)